

VN-Index giảm nhẹ 0,2%

Ngày báo cáo 21/4/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm nhẹ 0,2%

VN-Index giảm 0,2% (-3,6 điểm) vào thứ Ba, chốt phiên tại 1.833,5 điểm. Các cổ phiếu vốn hóa lớn nhìn chung diễn biến kém khả quan khi chỉ có 9 mã tăng điểm nhóm VN30. Toàn sàn ghi nhận 99 mã tăng, 227 mã giảm và 56 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên trước, đạt 24,9 nghìn tỷ đồng.

- Trong nhóm Ngân hàng, VPB (-1,8%), VCB (-0,8%), CTG (-0,7%) và ACB (-0,8%) giảm. STB (+5,5%) và LPB (+2,3%) tăng mạnh.
- Nhóm Dịch vụ Tài chính diễn biến kém khả quan khi TCX (-1,0%), VCK (-1,6%), SSI (-2,2%), VPX (-1,7%) và VIX (-2,0%) sụt giảm.
- Các mã cổ phiếu ngành Tiêu dùng gồm VPL (-1,9%), MWG (-1,9%), MSN (-1,0%), HVN (-1,1%), MSN (-1,0%) và PNJ (-2,7%) giảm mạnh.
- Các mã giảm đáng chú ý ở những ngành khác bao gồm công ty Công nghệ FPT (-2,3%), nhà sản xuất Cao su GVR (-1,1%), các công ty Công nghiệp GEE (-2,1%) và GEX (-1,6%), và các công ty Bất động sản BCM (-3,0%) và KBC (-2,4%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- NVL: Bổ sung kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng, ESOP và danh sách ứng viên HĐQT vào tài liệu ĐHCĐ năm 2026
- VRE: Bổ sung đề xuất cổ tức tiền mặt năm tài chính 2025 vào tài liệu ĐHCĐ năm 2026
- LPB: Khởi đầu năm tương đối chậm với kết quả NIM và chất lượng tài sản thấp hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- SZC: Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1 - Báo cáo KQKD
- TCB: Lợi nhuận quý 1/2026 phù hợp dự báo với thu nhập ngoài lãi tích cực dù NIM chịu áp lực - Báo cáo KQKD
- PVD: Chu kỳ tăng trưởng hoạt động thăm dò & khai thác (E&P) tạo nền tảng hỗ trợ mở rộng đội giàn khoan - Báo cáo ĐHCĐ
- PVT: Căng thẳng địa chính trị thúc đẩy chu kỳ tăng trưởng của đội tàu vận tải dầu - Báo cáo ĐHCĐ
- SIP: Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 thận trọng trong khi mục tiêu cho thuê đất KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ; cổ tức năm 2025 là 5.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất 8,3%) - Báo cáo ĐHCĐ
- VHM: Đặt mục tiêu năm 2026 tăng trưởng mạnh YoY về LNST và doanh số bán BĐS; kế hoạch cổ tức tiền mặt và cổ phiếu năm tài chính 2025 được thông qua - Báo cáo ĐHCĐ

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1833,5	253,3	129,2
% Δ	-0,2%	-1,6%	-0,2%
- % Δ 1 tuần	3,3%	0,3%	1,0%
- % YTD	2,7%	1,1%	7,0%
- % YOY	51,9%	19,8%	42,2%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$959,2	\$47,3	\$31,2
- TB 1 tháng (triệu)	\$927,6	\$56,9	\$21,2
- TB 1 năm (triệu)	\$1.138,1	\$80,6	\$33,1
- TB QTD	\$942,4	\$54,3	\$20,8
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-21,5%	-30,5%	-41,4%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$114,8	\$1,0	\$0,9
- Bán (triệu)	\$129,4	\$2,7	\$0,7
- GT ròng (triệu)	-\$14,6	-\$1,8	\$0,1
Độ rộng TT			
Mã tăng	108	47	142
Mã giảm	229	96	146
Không đổi	87	162	582
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	329,1	17,3	52,2
P/E trượt 12T	14,8	10,5	15,7
LS cổ tức*	3,3%	4,9%	14,1%
Giao dịch	Giá	KL	GTGD
Phái sinh		mở cửa	(tr USD)
VN30F1M	1.998,0	34.769	1.590,3
VN30F2M	2.000,0	1.392	2,6
VN30F1Q	1.994,5	318	0,4
VN30F2Q	1.997,9	23	0,0
VN100F1M	1.918,1	19	0,3
VN100F2M	1.935,0	15	0,0
VN100F1Q	1.910,0	10	0,0
VN100F2Q	1.898,9	N/A	-
USD/VND	26.332		

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, tín hiệu tăng của VN-Index vẫn chưa bị phá vỡ và tiếp tục duy trì khả năng hướng lên vùng 1.900–1.920 điểm. Tuy nhiên, áp lực bán ngắn hạn nhiều khả năng sẽ khiến chỉ số điều chỉnh hoặc giằng co trong vài phiên tới, với vùng hỗ trợ gần tại 1.800–1.820 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

NVL: Bổ sung kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng, ESOP và danh sách ứng viên HĐQT vào tài liệu ĐHCĐ năm 2026

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL) bổ sung các nội dung sau để trình cổ đông thông qua tại ĐHCĐ của công ty vào ngày 23/4.

- 1. Kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng: tối đa 167,6 triệu cổ phiếu (7,5% cổ phiếu đang lưu hành; tỷ lệ 40:3, tức là cổ đông sở hữu 40 cổ phiếu sẽ nhận được 3 cổ phiếu mới), nguồn từ thặng dư vốn cổ phần. Dự kiến thực hiện trong năm 2026 hoặc thời điểm khác do HĐQT quyết định.
- 2. Kế hoạch ESOP: tối đa 111,7 triệu cổ phiếu (5% cổ phiếu đang lưu hành) với giá phát hành tối thiểu 10.000 đồng/cổ phiếu. Dự kiến thực hiện trong năm 2026, tùy thuộc vào sự chấp thuận của UBCKNN.
- 3. Danh sách ứng viên HĐQT: NVL đã công bố các ứng viên bao gồm ông Bùi Cao Nhật Quân, ông Phạm Tiến Vân và ông Hoàng Đức Hùng. Việc bầu cử nhằm thay thế ba thành viên HĐQT hiện tại sẽ hết nhiệm kỳ vào năm 2026.

Tóm tắt các kế hoạch phát hành được NVL đề xuất để thông qua tại ĐHCĐ năm 2026

Kế hoạch phát hành	Cổ phiếu phát hành		Giá phát hành	Thời gian thực hiện dự kiến	Số tiền thu được (nếu thực hiện hết)
	(triệu cổ phiếu)	(% cổ phiếu lưu hành hiện tại)			
Chào bán riêng lẻ	Tối đa 800	36%	Tối thiểu giá đóng cửa trung bình 30 phiên liền sau và bao gồm ngày được ĐHCĐ phê duyệt	2026	N/A
Phát hành cổ phiếu hoán đổi trái phiếu trong nước	Tối đa 151,85	6,8%	40.000 đồng/cổ phiếu	2026	0
Khoản vay chuyển đổi				2026	Đã phê duyệt tối đa 15 nghìn tỷ đồng (trong đó 2,5 nghìn tỷ đồng đã giải ngân, theo báo cáo tài chính kiểm toán 2025).
Cổ phiếu thưởng	Tối đa 167,6	7,5%		2026 hoặc thời điểm khác	0
ESOP	Tối đa 111,7	5%	Tối thiểu 10.000 đồng/cổ phiếu	2026	Tối thiểu 1,11 nghìn tỷ đồng

Nguồn: Tài liệu ĐHCĐ năm 2026 của NVL, Vietcap tổng hợp. Chúng tôi chưa đưa các kế hoạch này vào dự báo và định giá của chúng tôi.

VRE: Bổ sung đề xuất cổ tức tiền mặt năm tài chính 2025 vào tài liệu ĐHCĐ năm 2026

* CTCP Vincom Retail (VRE) đề xuất kế hoạch trả cổ tức tiền mặt năm tài chính 2025 trị giá 2,3 nghìn tỷ đồng, tương đương 1.000 đồng/cổ phiếu dựa trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại (lợi suất 3,4%), dự kiến thực hiện trong quý 3/2026. Nguồn vốn được lấy từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối tại cuối năm 2025. Đây là sự thay đổi so với đề xuất trước đó là giữ lại toàn bộ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối tại cuối năm 2025 để phục vụ hoạt động kinh doanh. Các nội dung đề xuất khác tại ĐHCĐ không thay đổi. Các đề xuất sẽ được trình cổ đông thông qua tại ĐHCĐ của công ty vào ngày 23/4.

* Trong quá khứ, VRE chỉ trả cổ tức lần cuối cho năm tài chính 2018 (1.050 đồng/cổ phiếu bằng tiền mặt) và không trả cổ tức cho các năm tài chính 2019-2024. Chúng tôi chưa đưa kế hoạch cổ tức được đề xuất này vào các dự báo hiện tại của chúng tôi đối với VRE.

LPB: Khởi đầu năm tương đối chậm với kết quả NIM và chất lượng tài sản thấp hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPB) đã công bố KQKD quý 1/2026 với thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 5,2 nghìn tỷ đồng (+9,9% YoY) và LNTT đạt 2,8 nghìn tỷ đồng (-11,0% YoY), lần lượt hoàn thành 21% và 20% dự báo cả năm của chúng tôi. Kết quả LNTT quý 1/2026 đã hoàn thành 19% kế hoạch cả năm của ngân hàng (ở mức 14.982 tỷ đồng; +5,0% YoY). KQKD của ngân hàng nhìn chung yếu hơn kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu do diễn biến kém khả quan của NIM và chất lượng tài sản. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

- Tăng trưởng tín dụng trong quý 1/2026 đạt 2,9%, thấp hơn nhẹ so với mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 3,2%. Phân khúc khách hàng doanh nghiệp ghi nhận mức tăng trưởng tín dụng mạnh ở mức 7,5%, trong khi phân khúc bán lẻ ghi nhận mức giảm 3,5% trong quý. Theo quan điểm của chúng tôi, mức tăng trưởng yếu hơn ở phân khúc bán lẻ chủ yếu đến từ môi trường lãi suất cao hơn, do khách hàng bán lẻ thường nhạy cảm hơn với biến động lãi suất cho vay so với khách hàng doanh nghiệp. Chúng tôi cho rằng phần lớn các ngân hàng khác cũng ghi nhận diễn biến tương tự trong quý 1/2026, với tăng trưởng tín dụng ở phân khúc doanh nghiệp mạnh hơn so với phân khúc bán lẻ.

- Tăng trưởng tiền gửi khách hàng trong quý 1/2026 đạt 2,4%, thấp hơn nhẹ so với tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ CASA của LPB đạt 6,6%, giảm 0,4 điểm % YoY và giảm 2,0 điểm % QoQ.

- Thu nhập lãi thuần (NII) của LPB trong quý 1/2026 tăng 18,2% YoY, nhờ được hỗ trợ bởi mức tăng trưởng tín dụng tương đối tốt (14,4% YoY) và mức tăng nhẹ 3 điểm cơ bản YoY của biên lãi ròng (NIM). Tuy nhiên, so với cùng kỳ quý trước, NIM đã thu hẹp mạnh 71 điểm cơ bản QoQ trong quý 1/2026 xuống còn 2,67% (+3 điểm cơ bản YoY), chủ yếu do mức giảm mạnh của lợi suất tài sản sinh lãi (-51 điểm cơ bản QoQ, +58 điểm cơ bản YoY) và sự gia tăng của chi phí vốn (+25 điểm cơ bản QoQ, +64 điểm cơ bản YoY). Chúng tôi cho rằng sự sụt giảm QoQ của biên lãi ròng chủ yếu đến từ: (i) chất lượng tài sản yếu hơn, cùng với (ii) mức tăng trưởng mạnh hơn của dư nợ cho vay doanh nghiệp và cho vay ngắn hạn (vốn có biên lợi nhuận thấp hơn).

- Về chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu đã tăng lên mức 1,84% (+15 điểm cơ bản QoQ, +11 điểm cơ bản YoY) trong quý 1/2026. Tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng tăng nhẹ lên mức 1,07% (+9 điểm cơ bản QoQ, -32 điểm cơ bản YoY) trong quý 1/2026. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) của LPB đã giảm nhẹ xuống mức 70% trong quý 1/2026 (từ mức 74% trong quý trước).

- Chi phí tín dụng quy năm đã tăng lên mức 0,77% trong quý 1/2026, cao hơn so với mức 0,23% ghi nhận trong quý 1/2025. LPB đã xử lý rủi ro nợ xấu 501 tỷ đồng trong quý 1/2026, tương đương tỷ lệ xóa nợ trên tổng dư nợ gộp quy năm ở mức 0,50%.

- Tổng thu nhập ngoài lãi (NOII) đã đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (-9,3% YoY) trong quý 1/2026. Trong đó, tổng thu nhập phí thuần (NFI) của LPB đã giảm 19,5% YoY xuống mức 667 tỷ đồng, và thu nhập khác thuần của ngân hàng đã giảm mạnh 73,2% YoY xuống còn 120 tỷ đồng, chủ yếu do sự sụt giảm mạnh của khoản thu hồi các khoản nợ xấu đã xử lý (103 tỷ đồng, -77,8% YoY).

- Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) ghi nhận ở mức 30,1% (+2,1 điểm % YoY) trong quý 1/2026, do chi phí hoạt động (OPEX) tăng 18,2% YoY, cao hơn so với mức tăng 9,9% của TOI. Số lượng nhân sự của LPB đã tăng 1,5% trong quý lên 9.739 người (sau khi đã giảm mạnh 14,2% trong năm 2025). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SZC: Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1 - Báo cáo KQKD

- CTCP Sonadezi Châu Đức (SZC) báo cáo KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 102 tỷ đồng (-75% YoY và -73% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 17 tỷ đồng (-86% YoY và -83% QoQ), lần lượt hoàn thành 10% và 4% dự báo cả năm của chúng tôi. Mức giảm mạnh trong KQKD quý 1/2026 chủ yếu do SZC chuyển sang ghi nhận doanh thu bàn giao đất KCN theo phương pháp phân bổ, thay vì ghi nhận một lần toàn bộ giá trị hợp đồng như trước đây, do công ty áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu thận trọng hơn theo các thay đổi tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 1/1/2026). Kết quả quý 1/2026 nhìn chung phù hợp với kế hoạch sơ bộ của ban lãnh đạo được chia sẻ tại ĐHCĐ (tham khảo [Báo cáo ĐHCĐ](#) của chúng tôi để biết thêm chi tiết).

- Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi cho SZC là 382 tỷ đồng (+11% YoY), do doanh số cho thuê đất KCN năm 2025 thấp hơn kỳ vọng, đạt 20,9 ha (so với dự báo trước đó của chúng tôi là 40 ha) và KQKD quý 1/2026 kém khả quan, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng công ty có thể sẽ quay lại ghi nhận doanh thu một lần, với KQKD các quý tới có khả năng hồi phục từ mức nền thấp của quý 1/2026 sau khi phương pháp kế toán được hoàn thiện.

- **Mảng KCN:** Doanh thu mảng KCN giảm 89% YoY xuống 42 tỷ đồng trong quý 1/2026. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của mảng này đã cải thiện lên 60,2% (từ mức 50,2% trong quý 1/2025), mà chúng tôi cho rằng chủ yếu là do giá cho thuê trung bình cải thiện, khi giá chào thuê KCN Châu Đức tăng lên 125 USD/m² cho thời hạn thuê còn lại, so với 120 USD/m² vào năm 2025. Mặc dù doanh thu báo cáo giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán, chúng tôi ước tính dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1/2026 ở mức 173 tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ).

- **Mảng Khu đô thị (KĐT):** Mảng KĐT mang lại doanh thu không đáng kể trong quý 1/2026, mà chúng tôi cho rằng do nhu cầu thấp trong bối cảnh môi trường lãi suất cao hơn. Tuy nhiên, ban lãnh đạo đặt mục tiêu doanh thu KĐT năm 2026 sẽ tăng 26,5 lần YoY lên 192 tỷ đồng, chủ yếu được thúc đẩy bởi kỳ vọng tiếp tục ghi nhận bán hàng và bàn giao tại dự án KDC Hữu Phước (một phần của tổ hợp KCN & KĐT Châu Đức; khoảng 41 ha). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

TCB: Lợi nhuận quý 1/2026 phù hợp dự báo với thu nhập ngoài lãi tích cực dù NIM chịu áp lực - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB) công bố KQKD quý 1/2026 với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 13,7 nghìn tỷ đồng (+17,8% YoY) và LNTT đạt 8,9 nghìn tỷ đồng (+22,6% YoY), hoàn thành 22% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. LNTT quý 1/2026 hoàn thành 24% kế hoạch cả năm của ngân hàng là 31,5 nghìn tỷ đồng (+15,2% YoY), kế hoạch này giả định căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông sẽ sớm được giải quyết. Nhìn chung, KQKD của ngân hàng cơ bản phù hợp kỳ vọng của chúng tôi với hầu hết các chỉ số ghi nhận kết quả tích cực. Đáng chú ý, TCB đã tiếp tục đạt giảm tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với doanh nghiệp bất động sản, thể hiện rõ cam kết của ngân hàng đối với chiến lược đa dạng hóa danh mục tín dụng. Sự sụt giảm của NIM là điểm trừ duy nhất trong quý do áp lực tăng chi phí vốn trên toàn ngành.

- Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 đạt 3,6%, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi và cao hơn một chút so với mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 3,2%. Tăng trưởng quý 1/2026 chủ yếu được thúc đẩy bởi tăng trưởng cho vay ở mức 3,8% trong khi dư nợ trái phiếu doanh nghiệp tăng khiêm tốn 0,3% (chiếm 6,6% tổng tín dụng).
- Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 được thúc đẩy bởi phân khúc bán lẻ & SME (+5,9% YTD) nhiều hơn là phân khúc doanh nghiệp (+1,7% YTD). Đối với phân khúc bán lẻ, các động lực tăng trưởng chính là cho vay mua nhà (+6,4% YTD), cho vay tín chấp (+14,4% YTD) và phân khúc SME (+7,5% YTD).
- Trong khi đó, đối với phân khúc doanh nghiệp, lĩnh vực xây dựng (+72,0% YTD) đã đóng góp chính vào tăng trưởng dư nợ cho vay trong quý 1/2026, được thúc đẩy bởi nhu cầu tín dụng mạnh mẽ từ các dự án hạ tầng. Đáng chú ý, dư nợ tín dụng cho các doanh nghiệp bất động sản giảm 2,6% QoQ và chiếm 28,9% tổng tín dụng của TCB, tiếp tục xu hướng giảm từ mức 30,7% vào cuối năm 2025.
- Tiền gửi khách hàng giảm 3,1% QoQ trong quý 1/2026, thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) của ngân hàng tăng lên 80,5% trong quý 1/2026 từ mức 76,5% trong quý trước nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với trần 85%. Tỷ lệ CASA của TCB giảm đáng kể trong quý 1/2026 do môi trường lãi suất cao nhưng vẫn tiếp tục nằm trong nhóm cao nhất ngành ở mức 32,6% (-2,4 điểm % YoY, -3,2 điểm % QoQ). Khi bao gồm số dư sinh lời tự động, tỷ lệ CASA đạt 37,9% vào cuối quý 1/2026 (-1,5 điểm % YoY, -2,4 điểm % QoQ).
- NIM sụt giảm trong quý 1/2026 xuống 3,41% (-52 điểm cơ bản QoQ, -16 điểm cơ bản YoY), do chi phí vốn (COF) tăng đáng kể (+66 điểm cơ bản QoQ, +90 điểm cơ bản YoY), được bù đắp một phần bởi sự cải thiện nhẹ trong lợi suất tài sản sinh lãi (+7 điểm cơ bản QoQ, +63 điểm cơ bản YoY). Theo ngân hàng, sự thu hẹp NIM trong quý 1/2026 là do COF cao hơn từ sự cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng để thu hút tiền gửi, nhưng cũng phản ánh một số tác động tạm thời. Ngân hàng kỳ vọng NIM sẽ cải thiện từ quý tới và duy trì tương đối ổn định trong cả năm, so với năm 2025.
- Chất lượng tài sản được duy trì bền vững trong quý 1/2026 với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,16% (+2 điểm cơ bản QoQ, -7 điểm cơ bản YoY) so với dự báo cuối năm 2026 của chúng tôi là 1,13%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng nhẹ trong quý 1/2026 lên 0,72% (+19 điểm cơ bản QoQ, -10 điểm cơ bản YoY). TCB đã xử lý nợ 183 tỷ đồng trong quý 1/2026 - tương đương với tỷ lệ xử lý nợ trên tổng dư nợ cho vay quy năm là 0,09%.
- Chi phí tín dụng quy năm trong quý 1/2026 là 0,48% so với 0,67% trong quý 1/2025. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) quý 1/2026 của TCB vẫn được duy trì ở mức cao 129% so với 128% trong quý trước.
- Thu nhập ngoài lãi (NOII) ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ trong quý 1/2026 đạt 4,2 nghìn tỷ đồng (+25,6% YoY), hoàn thành 24% dự báo cả năm của chúng tôi. Trong đó, thu nhập phí ròng (NFI) tăng 46,7% YoY lên 3,6 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ tăng trưởng tích cực ở nghiệp vụ LC, tiền mặt và thanh toán (+158,6% YoY), mảng thẻ (+15,4% YoY), dịch vụ ngoại hối (+25,4% YoY) và dịch vụ bảo hiểm (+103,4% YoY), trong khi phí dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB) (-7,3% YoY) là yếu tố tác động tiêu cực. Theo TCB, kết quả tích cực ở mảng LC được thúc đẩy bởi việc triển khai các giải pháp tài trợ thương mại mới (cụ thể là mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ theo L/C) và nâng cấp, cải tiến sản phẩm. Nhìn chung, kết quả tăng trưởng thu nhập phí mạnh mẽ trong quý phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi rằng sự phục hồi ở mảng kinh doanh này sẽ là một trong những động lực chính cho TCB trong năm nay.
- Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) quý 1/2026 được kiểm soát tốt ở mức 28,3% (đi ngang so với cùng kỳ) so với dự báo cả năm của chúng tôi là 30,2%, nhờ mức tăng 17,8% YoY của chi phí hoạt động (OPEX) so với mức tăng 17,8% YoY của TOI. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PVD: Chu kỳ tăng trưởng hoạt động thăm dò & khai thác (E&P) tạo nền tảng hỗ trợ mở rộng đội giàn khoan - Báo cáo ĐHCĐ

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD) vào ngày 21/04/2026. Nhìn chung, ban lãnh đạo nhấn mạnh triển vọng thị trường tích cực nhờ chu kỳ tăng trưởng E&P đang diễn ra, bất chấp áp lực tạm thời trong ngắn hạn lên giá cho thuê ngày trong quý 1/2026.

- Cổ đông thông qua kế hoạch năm 2026 với doanh thu 11,2 nghìn tỷ đồng (+3% YoY; +55% so với kế hoạch 2025; 87% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST trước lợi ích CĐTS là 800 tỷ đồng (-24% YoY; +51% so với kế hoạch 2025; 64% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Chúng tôi cho rằng kế hoạch này thận trọng, phù hợp với truyền thống của PVD, khi LNST thực tế từng vượt kế hoạch từ 2-3 lần trong giai đoạn 2023-2025. Ban lãnh đạo khẳng định kế hoạch năm 2026 (LNTT 1.085 tỷ đồng) đã được xây dựng thận trọng và kỳ vọng kết quả thực tế sẽ tăng trưởng so với cùng kỳ, nhờ điều kiện thị trường khả quan hơn dự kiến.

- PVD báo cáo doanh thu sơ bộ đạt 3,5 nghìn tỷ đồng (+130% YoY; 27% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNTT sơ bộ đạt 400 tỷ đồng (+101% YoY; 24% dự báo năm 2026 của chúng tôi), phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Trong giai đoạn 2023-2025, lợi nhuận thực tế vượt số liệu sơ bộ từ 10-26%, cho thấy tiềm năng tăng trưởng đối với KQKD quý 1/2026 chính thức sau khi chốt số liệu. Không có bình luận nào liên quan đến thu nhập cốt lõi và thu nhập một lần.

- Về dài hạn, ban lãnh đạo PVD đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu hai chữ số (trên 15%/năm) trong giai đoạn 2026-2030 để đạt được mục tiêu mà PVN giao phó. Nếu đạt được, quy mô của PVD sẽ tăng gấp đôi vào năm 2030. Để hỗ trợ lộ trình này, việc tiếp tục đầu tư thêm giàn khoan và mở rộng dịch vụ sẽ là yếu tố thiết yếu. Chúng tôi lưu ý rằng mỗi giàn khoan tự nâng đóng góp khoảng 7% doanh thu năm 2025 của PVD, điều này ngụ ý rằng cần phải tăng thêm công suất để duy trì lộ trình tăng trưởng mục tiêu.

- Cổ đông thông qua việc không trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2025, đồng thời chấp thuận tăng vốn điều lệ thêm 66,9% thông qua việc vốn hóa quỹ đầu tư phát triển.

- Cổ đông thông qua kế hoạch chi phí đầu tư XD CB năm 2026 là 4,2 nghìn tỷ đồng (+39% so với thực hiện năm 2025; +85% so với kế hoạch 2025; 141% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Mức chi phí đầu tư XD CB cao hơn dự kiến một phần do kế hoạch mua thêm một giàn khoan tự nâng (tạm gọi là "PVD X") với chi phí ước tính là 85 triệu USD, dự kiến sẽ được triển khai đầy đủ trong năm 2026 để nắm bắt nhu cầu thị trường ngày càng tăng từ năm 2027 trở đi. Tiến độ này nhanh hơn giả định hiện tại của chúng tôi về việc giải ngân vốn đầu tư XD CB theo giai đoạn (65 triệu USD năm 2026, 18 triệu USD năm 2027), phản ánh việc mua sắm vào cuối năm 2026 và đóng góp lợi nhuận từ cuối năm 2027.

Ban lãnh đạo tin rằng căng thẳng tại Trung Đông tạo ra áp lực trong ngắn hạn nhưng là cơ hội trong dài hạn.

- **Tình hình tại Trung Đông tiêu cực trong ngắn hạn vì ảnh hưởng đến sự cân bằng cung cầu.** Trước khi xung đột xảy ra, Trung Đông được kỳ vọng sẽ hấp thụ một phần đáng kể nguồn cung giàn khoan toàn cầu khi Saudi Aramco tái khởi động các giàn khoan tự nâng (đã tạm dừng từ năm 2024). Tuy nhiên, các gián đoạn đã làm trì hoãn nhiều dự án, gián tiếp ảnh hưởng đến việc cân bằng cung cầu tại Đông Nam Á thay vì tạo ra môi trường thuận lợi để giá thuê ngày đối với giàn khoan tự nâng tăng lên.

- **Về dài hạn, căng thẳng địa chính trị leo thang đang thúc đẩy các quốc gia nỗ lực tăng cường an ninh năng lượng, từ đó thúc đẩy hoạt động E&P.** Các quốc gia giàu tài nguyên như Việt Nam có khả năng sẽ đẩy mạnh hoạt động khoan, hỗ trợ nhu cầu cho các nhà cung cấp dịch vụ ngoài khơi như PVD. Trên bình diện rộng hơn, nhận thức toàn cầu ngày càng tăng về an ninh năng lượng được kỳ vọng sẽ duy trì sự tăng trưởng dài hạn về nhu cầu khoan, củng cố đà tăng giá thuê ngày.

- **Cơ hội đầu tư giàn khoan:** Ban lãnh đạo cũng coi điều kiện hiện tại là cơ hội để mua các giàn khoan chất lượng cao với định giá hấp dẫn từ những người bán đang gặp khó khăn về tài chính hoặc những đơn vị muốn thoái vốn do các gián đoạn liên quan đến xung đột. Về dài hạn, PVD vẫn tự tin vào tầm nhìn nhu cầu khoan đến năm 2050, tạo nền tảng hỗ trợ cho việc mở rộng đội giàn khoan, với tiềm năng tăng gấp đôi số lượng giàn khoan hiện tại.

Giá thuê ngày giàn khoan tự nâng tại Đông Nam Á dự kiến sẽ phục hồi trong các quý tới. PVD cho biết giá thuê ngày giàn khoan tự nâng tại khu vực này đã giảm nhẹ trong quý 1/2026, dao động từ 95.000-110.000 USD/ngày, tương đương mức trung bình 102.000 USD/ngày (-7% QoQ; +19% YoY). Nhìn về tương lai, ban lãnh đạo kỳ vọng giá thuê ngày sẽ cải thiện trong các quý tiếp theo, nhờ giá dầu ở mức cao và nhu cầu khoan tăng mạnh trên khắp Đông Nam Á.

Ban lãnh đạo nhấn mạnh nhu cầu khoan dài hạn tại Việt Nam là rất lớn. Điều này được hỗ trợ bởi các phát hiện lớn như Hải Sư Vàng và Lô B – Ô Môn, cũng như các dự án tiềm năng khác với trữ lượng đáng kể, tạo nền tảng cho hoạt động trong nước dài hạn. Tuy nhiên, ban lãnh đạo cũng lưu ý rằng trong ngắn hạn, mặc dù nhu cầu khoan tại Việt Nam vẫn mạnh mẽ nhưng chưa liên tục. Do đó, PVD tiếp tục tối ưu hóa việc triển khai đội giàn khoan bằng cách hợp tác với các giàn khoan của bên thứ ba cho các hoạt động trong nước, đồng thời triển khai các giàn khoan sở hữu ra nước ngoài để đảm bảo các hợp đồng dài hạn. Ví dụ, PVD VIII dự kiến sẽ chuyển sang Malaysia sau khi hoàn thành hợp đồng với Vietsovpetro vào tháng 05/2026. Tương tự, PVD IX, sau khi tái khởi động thành công vào tháng 04/2026, cũng sẽ chuyển sang Malaysia sau khi hoàn thành chương trình tại Việt Nam. Ngoài ra, PVD I đã quay trở lại Việt Nam từ tháng 04/2026 để phục vụ Cửu Long JOC và có thể sẽ tái triển khai ra nước ngoài sau đó. Chúng tôi lưu ý rằng các thị trường quốc tế thường có giá thuê ngày cao hơn so với các hợp đồng trong nước. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PVT: Căng thẳng địa chính trị thúc đẩy chu kỳ tăng trưởng của đội tàu vận tải dầu - Báo cáo ĐHCĐ

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVT) vào ngày 21/04/2026. Nhìn chung, ban lãnh đạo nhấn mạnh các yếu tố hỗ trợ dài hạn cho thị trường tàu vận tải dầu nhờ các luồng giao thương đường dài, đồng thời nhấn mạnh một hợp đồng tiềm năng để vận chuyển dầu thô cho nhà máy lọc dầu Nghi Sơn thông qua việc đầu tư tàu VLCC. Diễn biến này mang lại tiềm năng tăng trưởng cho dự báo lợi nhuận dài hạn của chúng tôi.

- Cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 với doanh thu 16,5 nghìn tỷ đồng (+3% so với thực hiện năm 2025; +60% so với kế hoạch năm 2025; 90% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (-10% so với thực hiện năm 2025; +25% so với kế hoạch năm 2025; 62% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Chúng tôi cho rằng kế hoạch này mang tính thận trọng, vì PVT đã vượt kế hoạch LNST bình quân 2,0 lần trong giai đoạn 2014-2025 và vượt 39% so với LNST sau lợi ích CĐTS thực tế năm 2025.

- PVT báo cáo kết quả sơ bộ quý 1/2026 với doanh thu 4,5 nghìn tỷ đồng (+61% YoY; 25% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNTT đạt 460 tỷ đồng (+34% YoY; 19% dự báo năm 2026 của chúng tôi), phù hợp với kỳ vọng, do giá cước tàu vận tải cao chủ yếu sẽ được phản ánh từ kết quả quý 2/2026 trở đi. Do đó, chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với các dự báo của chúng tôi cho PVT, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

- Giá cước tàu vận tải mạnh: PVT cho biết căng thẳng kéo dài tại Trung Đông tạo ra sự gián đoạn thương mại trong khu vực, đặc biệt là việc xuất khẩu của Mỹ gia tăng làm kéo dài thời gian hải trình, làm tăng nhu cầu tấn-dậm và có khả năng hỗ trợ giá cước tàu vận tải duy trì ở mức cao trong suốt năm 2026 ngay cả khi xung đột kết thúc trong vài tháng tới. PVT cũng cho biết gần đây đã gia hạn hợp đồng cho tàu Apollo Aframax với giá cước khoảng 70.000 USD so với mức giá trước đó là khoảng 40.000 USD.

- PVT chia sẻ rằng hoạt động của tàu PVT tại Trung Đông vẫn trong tầm kiểm soát, với chỉ ba tàu hiện đang ở eo biển Hormuz (7,2% DWT; 5,2% số lượng tàu), ngoài ra, tất cả các tàu bị ảnh hưởng đều đang thực hiện hợp đồng cho thuê định hạn hoặc các thỏa thuận đội tàu (pool), đảm bảo nguồn thu nhập liên tục trong thời gian gián đoạn.

- Cổ đông thông qua việc PVT chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2025 với tỷ lệ 100:10 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 10 cổ phiếu mới). Đối với năm 2026, PVT đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức là 10% (bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu tùy quyết định), so với dự báo hiện tại của chúng tôi là 1.000 đồng/cổ phiếu.

PVT báo cáo kết quả sơ bộ quý 1/2026 với doanh thu 4,5 nghìn tỷ đồng (+61% YoY; 25% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNTT đạt 460 tỷ đồng (+34% YoY; 19% dự báo năm 2026 của chúng tôi), nhìn chung phù hợp với kỳ vọng, vì giá cước tàu vận tải cao hơn được kỳ vọng sẽ phản ánh đầy đủ hơn từ quý 2/2026 trở đi. Chúng tôi lưu ý rằng tính đến ngày 15/04/2026, giá cước tàu vận tải bình quân từ đầu quý 2/2026 đến nay đã tăng đáng kể: giá cước tàu Aframax (tàu chở dầu thô) tăng lên 60.000 USD/ngày (+27% QoQ; +107% YoY), giá cước tàu chở dầu tầm trung (MR) đạt 32.200 USD/ngày (+28% QoQ; +64% YoY), và giá cước tàu chở hóa chất tăng lên 28.700 USD/ngày (+29% QoQ; +57% YoY). Đáng chú ý, PVT cũng đã chốt được một hợp đồng mới cho tàu chở dầu Apollo với giá cước khoảng 70.000 USD/ngày, cao hơn 75% so với mức giá trước đó khoảng 40.000 USD/ngày.

Hoạt động của tàu PVT tại Trung Đông vẫn trong tầm kiểm soát với tác động hạn chế lên lợi nhuận: Tính đến cuối tháng 02/2026, PVT có bảy tàu bị kẹt tại Trung Đông, bao gồm bốn tàu trong eo biển Hormuz và ba tàu neo đậu bên ngoài gần Vịnh Oman. Con số này hiện đã giảm xuống chỉ còn ba tàu vẫn ở trong eo biển Hormuz. Chúng tôi lưu ý rằng ba tàu này là Shamrock Jupiter (tàu chở hóa chất, 20K DWT), PVT Valencia (tàu chở sản phẩm dầu, 50K DWT), và NV Sunshine (tàu chở khí hóa lỏng - VLGC, 55K DWT), chiếm khoảng 7,2% tổng trọng tải (DWT) của đội tàu hoặc 5,2% số lượng tàu. Mức độ rủi ro này vẫn tương đối hạn chế, với phần lớn đội tàu hoạt động bên ngoài khu vực và được hưởng lợi từ mức giá cước cao. Ban lãnh đạo cũng lưu ý rằng tất cả các tàu bị ảnh hưởng đều đang thực hiện hợp đồng cho thuê định hạn hoặc hoạt động trong các đội tàu chung (pool), đảm bảo nguồn thu nhập liên tục trong thời gian gián đoạn. Do đó, tác động lên lợi nhuận của PVT là tối thiểu.

Căng thẳng tại Trung Đông mang lại các yếu tố hỗ trợ trong ngắn hạn và dài hạn cho thị trường tàu vận tải dầu.

- **Ngắn hạn:** Các yếu tố tích cực bù đắp tác động tiêu cực: giá cước tàu vận tải cao hơn nhưng chi phí cũng tăng. Rủi ro an toàn hàng hải gia tăng đang đẩy chi phí bảo hiểm, nhiên liệu và vận hành lên cao. Tuy nhiên, PVT cho biết chi phí vận hành thấp hơn khoảng 10–15% so với các công ty vận tải biển quốc tế. Ngoài ra, giá tàu toàn cầu đã tăng mạnh lên mức cao, gây thách thức cho chiến lược mở rộng đội tàu của công ty.

- **Yếu tố hỗ trợ dài hạn:** Những căng thẳng kéo dài đang định hình lại các luồng giao thương toàn cầu, chuyển dịch các tuyến đường sang các hải trình dài hơn và làm tăng nhu cầu tấn-dặm, điều này hỗ trợ giá cước tàu vận tải duy trì ở mức cao. Việc Mỹ nổi lên như một quốc gia xuất khẩu dầu lớn (khoảng 5 triệu thùng/ngày) đang thúc đẩy các tuyến đường dài hơn từ Mỹ đến châu Âu và châu Á, thay thế một phần nguồn cung từ Trung Đông. Sự chuyển dịch sang nhập khẩu dầu thô từ các khu vực xa hơn như Mỹ đã kéo dài đáng kể thời gian hải trình. Ví dụ, các tuyến đường từ Mỹ đến Ấn Độ có thể mất tới 40 ngày, so với chỉ 2–3 ngày từ Trung Đông. Điều này làm tăng nhu cầu một cách hiệu quả, hỗ trợ giá cước tàu vận tải. Ngoài ra, những lo ngại về an ninh năng lượng đang thúc đẩy các quốc gia đánh giá lại chính sách năng lượng và xây dựng kho dự trữ dầu chiến lược (SPR), hỗ trợ nhu cầu bền vững từ việc tích trữ. Do đó, ban lãnh đạo kỳ vọng giá cước tàu vận tải sẽ duy trì ở mức cao trong suốt năm 2026.

- **Đầu tư tàu VLCC để hỗ trợ nhà máy lọc dầu Nghi Sơn và nắm bắt cơ hội chiến lược:** Những gián đoạn địa chính trị đang diễn ra tại Trung Đông đã tạo cơ hội cho một doanh nghiệp nội địa có năng lực như PVT tăng cường sự tham gia của mình. Với sự hỗ trợ từ PetroVietnam, ban lãnh đạo đang tích cực đàm phán hợp đồng vận chuyển dài hạn (COA) với Nghi Sơn. Nếu đạt được, PVT có thể đầu tư một tàu VLCC ngay trong năm 2026, với chi phí đầu tư ước tính 110 triệu USD cho một con tàu 11 năm tuổi. Ban lãnh đạo cho biết giá thuê tàu trên 60.000 USD/ngày sẽ đảm bảo khả năng sinh lời. Chúng tôi lưu ý rằng giá thuê định hạn tàu VLCC toàn cầu hiện đang ở mức khoảng 100.000 USD/ngày (+82% từ đầu năm tính đến ngày 15/04/2026).

Loại trừ kế hoạch đầu tư tàu VLCC, trước đó PVT đã đặt ra kế hoạch chi phí đầu tư XDCB cho việc mở rộng đội tàu cùng với đa dạng hóa logistics trước khi xảy ra xung đột Mỹ/Israel-Iran.

- **Phân khúc vận tải:** Công ty mẹ PVT có kế hoạch mua từ hai đến năm tàu mới trong năm 2026, với chi phí đầu tư dự kiến là 3,4 nghìn tỷ đồng, tương đương 1,8 lần so với dự báo năm 2026 hiện tại của chúng tôi là 1,8 nghìn tỷ đồng. Theo PVT, kế hoạch chi phí đầu tư hợp nhất của công ty vượt quá 200 triệu USD (khoảng 5.300 tỷ đồng, cao hơn 43% so với 3.700 tỷ đồng thực tế năm 2025), cho thấy sự đầu tư liên tục vào phân khúc vận tải sau ba năm liên tiếp mở rộng trọng tải đội tàu (DWT) lần lượt là 30%/29%/22% trong các năm 2023/2024/2025.

- **Mở rộng logistics thông qua công ty con:** PVT có kế hoạch góp 296 tỷ đồng vào PVT Logistics (HOSE: PDV), công ty con mà PVT nắm giữ 51,87% cổ phần. Chúng tôi tin rằng điều này nhằm mục đích tài trợ cho kế hoạch đầu tư của PDV vào một tổ hợp cảng hóa chất tại Nhơn Trạch – Đồng Nai. Dự án cảng có tổng mức đầu tư 65 triệu USD, với dự kiến bắt đầu xây dựng vào cuối năm 2026 và mục tiêu đi vào hoạt động vào cuối năm 2028. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SIP: Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 thận trọng trong khi mục tiêu cho thuê đất KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ; cổ tức năm 2025 là 5.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất 8,3%)

- Báo cáo ĐHCĐ

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (SIP) vào ngày 21/4.

- **Kế hoạch năm 2026:** Cổ đông đã thông qua kế hoạch 2026 với doanh thu 5,9 nghìn tỷ đồng (-31% YoY) và LNST 874 tỷ đồng (-40% YoY). Kế hoạch LNST năm 2026 của SIP tương đương 57% dự báo của chúng tôi. Chúng tôi lưu ý rằng SIP thường đặt ra kế hoạch thận trọng vì LNST thực tế của SIP đã hoàn thành 175%/151%/137%/161%/176% so với kế hoạch tương ứng của các năm 2021/22/23/24/25.

- SIP đặt mục tiêu doanh số cho thuê đất KCN năm 2026 là 60 ha (so với 29 ha năm 2025 và dự báo 2026 của chúng tôi là 46 ha), nhìn chung phù hợp với kế hoạch sơ bộ của ban lãnh đạo (khoảng 50–60 ha) được đưa ra vào đầu tháng 2. Doanh số cho thuê đất KCN năm 2026 theo kế hoạch gồm: 40 ha tại KCN Phước Đông, 5 ha tại KCN Đông Nam, 5 ha tại KCN Lê Minh Xuân 3 và 10 ha tại KCN Lộc An – Bình Sơn.

- SIP công bố **kết quả sơ bộ quý 1/2026** với doanh thu 2,3 nghìn tỷ đồng (+16% YoY) và LNST 352 tỷ đồng (-13% YoY), hoàn thành 25% và 23% dự báo 2026 tương ứng của chúng tôi. Ban lãnh đạo cho biết SIP đã cho thuê khoảng 35 ha đất KCN và 10.000 m2 nhà xưởng xây sẵn (NXXS) trong quý 1/2026, vượt kỳ vọng của chúng tôi.

- Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CBTS năm 2026 là 1,4 nghìn tỷ đồng (+6% YoY) nhưng có khả năng điều chỉnh tăng dự báo doanh số cho thuê đất KCN năm 2026 của chúng tôi là 46 ha (+62% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

- **Kế hoạch cổ tức:** Cổ đông đã thông qua (1) cổ tức năm tài chính 2025 bao gồm 5.000 đồng/cổ phiếu bằng tiền mặt (lợi suất cổ tức 8,3%; trong đó 1.000 đồng/cổ phiếu đã được trả vào tháng 12/2025), và (2) cổ tức năm tài chính 2026 ít nhất 10% mệnh giá bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu. SIP đã trả 4.500/1.600/1.700 đồng/cổ phiếu cho cổ tức tiền mặt các năm tài chính 2022/23/24. Hiện tại, chúng tôi giả định cổ tức tiền mặt là 2.000 đồng/cổ phiếu mỗi năm cho cả năm tài chính 2025 và 2026.

- Cổ đông đã thông qua việc ông Huỳnh Hữu Tín từ nhiệm khỏi Ban Kiểm soát và bầu ông Dương Duy Phú thay thế cho nhiệm kỳ 2023–2028.

Đà phục hồi mạnh của doanh số cho thuê đất KCN trong quý 1/2026: Theo ban lãnh đạo, SIP đã cho thuê khoảng 35 ha đất KCN (chưa bao gồm KCN Lộc An–Bình Sơn) và 10.000 m² NXXS chỉ trong quý 1/2026, một khởi đầu tích cực so với dự báo 46 ha năm 2026 của chúng tôi và kết quả bàn giao 29 ha trong năm 2025. Ban lãnh đạo tự tin đạt được mục tiêu doanh số cho thuê đất KCN năm 2026 là 60 ha. Ban lãnh đạo tiếp tục kỳ vọng nhu cầu thuê ổn định trên các KCN của công ty và nhấn mạnh sự phát triển cơ sở hạ tầng khu vực sắp tới – bao gồm đường cao tốc Mộc Bài – TP.HCM – như các chất xúc tác hỗ trợ tiềm năng cho nhu cầu.

Mục tiêu mở bán Long Đức Giai đoạn 2 vào cuối năm 2027: Ban lãnh đạo đặt mục tiêu KCN Long Đức Giai đoạn 2 (Đồng Nai; 293,9 ha; SIP sở hữu 58%) sẽ bắt đầu hoạt động vào cuối năm 2027 do công ty hiện đang xử lý đền bù tại dự án. Ngoài ra, ban lãnh đạo tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các KCN khác, có khả năng bao gồm KCN Phạm Văn 1 và Phạm Văn 2 (vẫn đang ở giai đoạn nghiên cứu ban đầu).

Mảng nhà ở và năng lượng tái tạo dự kiến thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trung hạn: Đối với năm 2026, SIP có kế hoạch mở bán khoảng 400 căn tại dự án khu dân cư Thuận Lợi (một phần của siêu tổ hợp KCN & Đô thị Phước Đông), so với khoảng 150 căn đã bán và bàn giao trong năm 2025. Ngoài ra, công ty đang đặt kế hoạch lắp đặt khoảng 13 MWp điện mặt trời áp mái vào năm 2026, củng cố cho danh mục hiện tại khoảng 74 MWp vào cuối năm 2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VHM: Đặt mục tiêu năm 2026 tăng trưởng mạnh YoY về LNST và doanh số bán BĐS; kế hoạch cổ tức tiền mặt và cổ phiếu năm tài chính 2025 được thông qua - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ thường niên của CTCP Vinhomes (VHM) vào ngày 21/04.

* **Kế hoạch 2026:** Cổ đông đã thông qua kế hoạch năm 2026 của ban lãnh đạo với doanh thu cốt lõi (bao gồm hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) và các giao dịch bán lẻ lớn được ghi nhận vào doanh thu tài chính) đạt 285 nghìn tỷ đồng (+56% YoY) và LNST đạt 60 nghìn tỷ đồng (+38% YoY), lần lượt cao hơn 40% và 35% so với dự báo cả năm của chúng tôi.

KQKD LNST của VHM trong các năm 2022/23/24/25 lần lượt đạt 97%/112%/100%/103% so với kế hoạch đầu năm. Dự báo của chúng tôi (LNST dự báo năm 2026: 44,5 nghìn tỷ đồng; +3% YoY; và LNST sau lợi ích CĐT: 43,3 nghìn tỷ đồng; +3% YoY) thấp hơn so với kế hoạch của VHM, chủ yếu do chúng tôi đưa ra giả định thận trọng hơn về việc ghi nhận doanh thu bán lẻ lớn trong năm 2026, do các thông tin được công bố về danh mục mở bán lẻ lớn cũng như lộ trình ghi nhận dự kiến còn hạn chế, cùng với điều kiện thị trường hiện tại.

VHM đặt mục tiêu doanh số bán BĐS năm 2026 đạt 300–350 nghìn tỷ đồng (+46%–70% YoY), cao hơn so với dự báo của chúng tôi là 205,7 nghìn tỷ đồng (đi ngang YoY).

Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với các dự báo năm 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Cổ tức:** Cổ đông đã thông qua kế hoạch cổ tức tiền mặt và cổ tức cổ phiếu năm tài chính 2025, dự kiến triển khai trong năm 2026, được thực hiện từ nguồn lợi nhuận lũy kế tại cuối năm 2025.

Cổ tức tiền mặt: **60%** vốn điều lệ, tương đương 24,6 nghìn tỷ đồng, tương ứng 6.000 đồng/cổ phiếu tại số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại (lợi suất 4,1%).

i. Cổ tức cổ phiếu: tỷ lệ **100%** (tức là mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu hiện hữu sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu mới).

ii. Trước đó, lần gần nhất VHM trả cổ tức là cho năm tài chính 2021 (2.000 đồng/cổ phiếu bằng tiền mặt) và không chi trả cổ tức cho năm 2022–2024. Chúng tôi chưa đưa kế hoạch cổ tức này vào dự báo hiện tại.

*** Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh:** Cổ đông đã thông qua việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh, bao gồm: sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo/không tái tạo (không bao gồm truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội), truyền tải và phân phối điện (bán buôn, bán lẻ điện và kinh doanh dịch vụ trạm sạc), và vận tải hàng hóa/hành khách bằng đường sắt.

Doanh số đã bán nhưng chưa ghi nhận dự kiến sẽ đóng góp 30-40% kế hoạch doanh thu cốt lõi năm 2026, trong khi phần còn lại chủ yếu đến từ doanh số bán BĐS mới: Ban lãnh đạo đặt kế hoạch doanh thu cốt lõi năm 2026 đạt 285 nghìn tỷ đồng (+56% YoY), trong đó khoảng 30-40% đến từ việc ghi nhận các khoản doanh số đã bán nhưng chưa ghi nhận tại thời điểm cuối năm 2025 (186,4 nghìn tỷ đồng), chủ yếu từ các dự án Wonder City, Golden City, Ocean Park 2 & 3 và Royal Island. Phần doanh thu còn lại chủ yếu đến từ (i) ghi nhận các doanh số bán BĐS mới tại các dự án hiện hữu như Green Paradise, Green City, Ocean Park 2 & 3, và (ii) ghi nhận các giao dịch bán lô lớn tiềm năng đang trong quá trình thương thảo tại các dự án sắp mở bán.

Ban lãnh đạo cho biết kế hoạch lợi nhuận cho năm 2026 được điều chỉnh tăng so với đề xuất trước đó nhờ kết quả triển khai thực tế từ đầu năm đến nay. Vào ngày 20/04/2026, ban lãnh đạo đã nâng mục tiêu kế hoạch năm 2026, cụ thể: tăng doanh thu cốt lõi từ 250 nghìn tỷ đồng lên 285 nghìn tỷ đồng và LNST từ 50 nghìn tỷ đồng lên 60 nghìn tỷ đồng. Trước đó, đề xuất cũ được xây dựng dựa trên kịch bản cơ sở của ban lãnh đạo về các biến động vĩ mô, tiến độ pháp lý tại các dự án của VHM và các giao dịch đang triển khai. Theo ban lãnh đạo, từ quý 1/2026 đến nay, công ty đã đạt được một số tiến triển đáng kể, đặc biệt là trong thủ tục pháp lý dự án và tiến độ thực hiện các giao dịch hiện hữu. Do đó, ban lãnh đạo tin rằng VHM có thể hoàn thành các mục tiêu tham vọng hơn so với dự kiến ban đầu.

VHM đặt mục tiêu doanh số bán BĐS năm 2026 đạt khoảng 300-350 nghìn tỷ đồng (tăng 46%-70% YoY). Động lực chính đến từ việc tiếp tục mở bán tại các dự án hiện hữu, bao gồm dự án vừa ra mắt là Hải Vân Bay (Đà Nẵng; quy mô 512 ha với 5.900 căn thấp tầng), Green Paradise, Green City, Golden City, Ocean Park 2&3, cùng với kế hoạch mở bán mới các dự án Global Gate Hạ Long (Quảng Ninh) và Khu đô thị Đại học Quốc tế (TP.HCM). Mục tiêu này cao hơn so với dự báo 205,7 nghìn tỷ đồng của chúng tôi (đi ngang YoY), chủ yếu do chúng tôi đưa ra các giả định thận trọng hơn về doanh số bán lô lớn trong năm 2026, trong bối cảnh các thông tin công bố về danh mục bán lô lớn còn hạn chế cũng như điều kiện vĩ mô. Tại ĐHCĐ, ban lãnh đạo cho biết **doanh số bán BĐS dự kiến trong quý 1/2026 đạt khoảng 70-80 nghìn tỷ đồng** (tăng 64%-87% QoQ và tăng 100-129% YoY). Trong giai đoạn cuối tháng 3 và đầu tháng 4/2026, VHM mở bán lẻ đợt đầu tại dự án Hải Vân Bay, và bắt đầu đóng góp vào doanh số bán BĐS trong quý 1/2026.

Ban lãnh đạo kỳ vọng KQKD năm 2026 sẽ ít bị ảnh hưởng bởi yếu tố lãi suất tăng YoY. Ban lãnh đạo kỳ vọng các chính sách và định hướng hỗ trợ từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước - bao gồm định hướng giảm từ 0,5-1,0 điểm % lãi suất huy động tại các ngân hàng thương mại - có thể góp phần ổn định lãi suất cho vay và lạm phát trong thời gian tới. Mặc dù lãi suất tăng có tác động đến thị trường BĐS, ban lãnh đạo cho rằng ảnh hưởng này chủ yếu tác động đến nhóm khách hàng có tính đầu cơ và đòn bẩy cao. Lãi suất cao hơn có thể làm chậm lại quyết định mua nhà, chứ sẽ không triệt tiêu nhu cầu, đặc biệt là đối với nhóm khách hàng mua để ở. VHM cũng đã chủ động đưa ra các chương trình hỗ trợ tài chính và chia sẻ chi phí lãi vay với người mua nhà nhằm giảm bớt các áp lực này.

Ban lãnh đạo cho biết kế hoạch chi trả cổ tức tiền mặt sẽ ảnh hưởng không đáng kể đến nguồn vốn phát triển dự án; trong khi đó, việc chia cổ tức bằng cổ phiếu nhằm củng cố nền tảng vốn và tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu. Cả hai phương án chia cổ tức bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu cho năm 2025 sẽ được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại thời điểm cuối năm 2025 (đạt 202,6 nghìn tỷ đồng). Cả hai kế hoạch này dự kiến sẽ được thực hiện trong năm 2026. Theo ban lãnh đạo, các hoạt động phát triển dự án sẽ tiếp tục được tài trợ chủ yếu bởi dòng tiền thu từ doanh số đã bán và doanh số bán BĐS mới dự kiến (cả bán lẻ và bán lô lớn), cùng với nguồn vốn vay. Do đó, việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2025 được dự báo sẽ không gây ảnh hưởng đáng kể đến nguồn lực phát triển dự án. Trong khi đó, phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu nếu được thực hiện sẽ giúp tăng vốn điều lệ của VHM từ 41,1 nghìn tỷ đồng lên 82,1 nghìn tỷ đồng. Ban lãnh đạo cũng lưu ý rằng công ty không áp dụng một chính sách cổ tức cố định; các kế hoạch chi trả cổ tức trong tương lai sẽ được quyết định dựa trên việc cân bằng giữa lợi ích của cổ đông và các kế hoạch phát triển dài hạn của công ty. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	76	0,0	14.350	25.500	78%	0,0%	78%	KQ	17/01/25	40,6	9,7	15,2	1,1
DGC	Công nghiệp	43%	769	8,9	53.300	91.200	71%	5,6%	77%	MUA	02/03/26	7,1	6,8	15,2	1,3
KDH	Bất động sản	22%	1.095	4,6	25.700	43.700	70%	0,0%	70%	MUA	09/03/26	29,5	18,5	20,1	1,6
HVN	Hàng không	22%	2.659	0,8	22.500	37.100	65%	0,0%	65%	KQ	22/07/25	9,6	8,1	18,5	11,8
NLG	Bất động sản	9%	519	4,1	28.150	45.800	63%	1,4%	64%	MUA	09/03/26	16,4	20,4	20,1	1,1
FPT	CNTT	17%	4.858	25,5	75.100	116.600	55%	3,1%	58%	MUA	22/10/25	14,8	13,2	19,7	3,5
SZC	KCN	16%	194	0,7	28.350	42.400	50%	3,5%	53%	KQ	01/07/25	16,1	14,5	20,1	1,6
BMI	Bảo hiểm	22%	89	0,3	15.500	23.100	49%	3,2%	52%	MUA	12/04/24	10,3	6,2	17,1	0,8
PVS	Dầu khí	33%	748	7,6	38.500	58.100	51%	0,0%	51%	MUA	26/02/26	13,5	13,0	21,6	1,3
VGC	KCN	47%	754	1,6	44.300	64.100	45%	5,0%	50%	MUA	21/10/25	14,2	12,7	15,8	2,3
SSI	Chứng khoán	68%	2.677	30,2	28.300	40.800	44%	3,5%	48%	KQ	27/08/25	14,3	15,5	19,5	2,2
PVT	Dầu khí	36%	394	6,1	22.100	30.800	39%	4,5%	44%	MUA	13/03/26	10,5	7,2	13,4	1,2
PLC	Dầu khí	48%	71	0,3	23.100	31.900	38%	4,3%	42%	MUA	12/09/25	137,5	7,4	15,2	1,5
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	42%	2.199	1,2	45.150	59.000	31%	11,1%	42%	MUA	06/01/26	13,5	12,9	14,7	2,7
ACG	Gỗ	12%	194	0,0	33.950	45.800	35%	5,0%	40%	MUA	15/07/25	10,7	8,5	14,5	1,2
VPB	Ngân hàng	5%	8.301	20,3	27.550	38.000	38%	1,8%	40%	MUA	19/11/25	9,1	7,2	11,3	1,3
BMP	VLXD	20%	469	1,3	151.000	192.500	27%	10,6%	38%	MUA	12/11/25	10,2	8,8	15,8	3,9
BWE	Điện & Nước	46%	365	1,1	43.700	58.700	34%	3,0%	37%	MUA	02/02/26	11,7	10,5	12,2	1,6
GEX	Điện & Nước	43%	1.381	15,2	40.300	54.000	34%	1,2%	35%	MUA	30/12/25	23,7	26,5	13,4	2,1
MBB	Ngân hàng	0%	8.045	19,2	26.300	35.000	33%	1,9%	35%	MUA	13/03/26	8,5	6,7	11,3	1,6
ACB	Ngân hàng	3%	4.633	10,0	23.750	32.000	35%	0,0%	35%	MUA	05/03/26	7,9	6,5	11,3	1,3
MCH	Bán lẻ	85%	6.887	1,3	140.100	181.700	30%	4,3%	34%	PHTT	28/11/25	27,2	23,7	14,7	10,0
DCM	Phân bón	40%	900	8,2	44.750	57.600	29%	4,5%	33%	MUA	10/03/26	13,1	8,5	15,2	2,2
HDC	Bất động sản	47%	140	2,3	18.500	24.600	33%	0,0%	33%	KQ	09/01/26	5,8	11,9	20,1	1,3
TCB	Ngân hàng	0%	8.800	18,0	32.700	41.500	27%	3,7%	31%	MUA	04/03/26	9,2	7,8	11,3	1,4
GMD	GTVT	7%	1.199	5,7	74.000	93.900	27%	3,1%	30%	MUA	26/02/26	20,0	13,1	13,4	2,4
HPG	VLXD	26%	8.322	37,4	28.550	36.600	28%	1,8%	30%	MUA	04/04/26	14,7	10,4	14,5	1,7

HDG	Điện & Nước	30%	393	3,2	27.950	36.200	30%	0,0%	30%	MUA	23/03/26	15,1	12,4	20,1	1,5
CTG	Ngân hàng	5%	10.279	9,5	34.850	44.900	29%	0,0%	29%	MUA	10/03/26	8,9	7,8	11,3	1,5
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	627	0,2	44.600	53.400	20%	9,0%	29%	KQ	30/08/24	8,5	6,4	14,7	1,6
TLG	Văn phòng phẩm	89%	187	0,4	51.000	61.900	21%	6,9%	28%	MUA	12/09/25	10,9	8,3	11,0	2,0
MSN	Bán lẻ	76%	4.338	18,6	79.000	101.200	28%	0,0%	28%	MUA	21/05/25	27,8	26,9	13,4	3,2
POW	Điện & Nước	47%	1.526	6,9	13.100	16.700	27%	0,0%	27%	MUA	27/03/26	16,5	16,6	12,2	1,2
DXG	Bất động sản	30%	621	11,4	14.700	18.700	27%	0,0%	27%	MUA	06/04/26	70,7	73,9	20,1	1,2
NT2	Điện & Nước	36%	283	1,0	25.850	30.300	17%	9,7%	27%	MUA	26/02/26	7,7	7,0	12,2	1,5
HDB	Ngân hàng	5%	5.075	21,2	26.700	33.000	24%	1,9%	25%	MUA	06/03/26	7,4	6,4	11,3	1,8
TV2	Điện & Nước	7%	92	0,7	35.900	43.900	22%	2,8%	25%	MUA	18/09/25	40,9	14,3	13,4	1,9
KBC	KCN	40%	1.221	5,4	34.150	42.500	24%	0,0%	24%	MUA	13/03/26	15,0	10,8	20,1	1,3
VCB	Ngân hàng	10%	18.912	15,8	59.600	73.500	23%	0,8%	24%	MUA	17/03/26	15,3	12,7	11,3	2,2
PVD	Dầu khí	38%	686	6,7	32.500	40.300	24%	0,0%	24%	MUA	09/04/26	20,1	16,2	21,6	1,1
IDC	KCN	33%	667	4,4	46.300	54.600	18%	4,3%	22%	MUA	17/03/26	9,2	8,8	20,1	2,7
AST	DV Hàng không	3%	118	0,0	68.800	80.600	17%	5,1%	22%	MUA	26/08/25	12,4	12,0	12,8	5,3
GAS	Dầu khí	47%	7.212	5,0	78.700	93.600	19%	3,2%	22%	MUA	14/04/26	17,0	15,4	12,2	2,9
BID	Ngân hàng	13%	11.169	11,4	40.400	48.800	21%	0,0%	21%	MUA	01/04/26	10,6	9,6	11,3	1,8
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.889	10,2	61.600	70.300	14%	6,5%	21%	MUA	24/04/25	13,7	14,7	14,7	4,2
QTP	Điện & Nước	-1%	223	0,5	13.000	14.600	12%	7,7%	20%	MUA	10/12/25	5,7	8,9	12,2	1,0
SIP	KCN	46%	553	1,2	60.100	69.800	16%	3,3%	19%	MUA	22/12/25	11,7	11,3	20,1	2,8
MWG	Bán lẻ	0%	4.774	24,0	85.600	101.000	18%	1,2%	19%	MUA	14/10/25	17,8	15,1	12,8	3,9
FRT	Bán lẻ	17%	977	3,1	151.000	178.800	18%	0,7%	19%	MUA	13/11/25	32,4	22,9	12,8	6,2
REE	Điện & Nước	0%	1.333	4,2	64.800	75.900	17%	1,5%	19%	MUA	23/02/26	25,4	11,9	13,4	1,7
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	531	1,5	62.300	71.600	15%	3,2%	18%	MUA	26/01/26	10,2	7,9	14,7	1,5
PHR	Công nghiệp	35%	319	0,6	62.000	71.300	15%	2,2%	17%	MUA	25/03/26	18,2	8,9	15,2	2,1
DPG	Điện & Nước	30%	191	0,9	42.500	48.700	15%	2,4%	17%	MUA	06/01/26	10,7	6,5	15,8	2,3
DXS	Bất động sản	43%	156	0,8	7.100	8.300	17%	0,0%	17%	KQ	06/04/26	13,0	12,2	20,1	0,7
TDM	Điện & Nước	49%	242	1,2	57.400	65.300	14%	2,6%	16%	KQ	02/02/26	33,0	31,0	12,2	2,4
PC1	Điện & Nước	33%	410	7,3	26.250	30.500	16%	0,0%	16%	MUA	02/02/26	11,1	9,9	15,8	1,7
DPM	Phân bón	44%	728	6,3	28.200	31.200	11%	4,3%	15%	PHTT	10/03/26	21,5	12,7	15,2	1,7

CTR	CNTT	44%	374	1,1	86.100	96.800	12%	1,7%	14%	KQ	14/04/26	16,4	14,1	15,8	4,8
PPC	Điện & Nước	44%	123	0,3	10.100	11.000	9%	5,0%	14%	KQ	10/12/25	19,9	10,0	12,2	0,7
NVL	Bất động sản	44%	1.502	15,3	17.700	20.000	13%	0,0%	13%	MUA	01/10/25	20,5	98,8	20,1	0,9
DHC	Công nghiệp	15%	135	0,4	36.800	40.100	9%	3,5%	13%	MUA	16/12/25	9,0	8,8	14,5	1,6
ACV	Hàng không	47%	6.156	1,2	45.400	50.100	10%	0,0%	10%	PHTT	06/04/26	14,8	14,2	13,4	2,3
PTB	Công nghiệp	9%	150	0,3	49.250	52.000	6%	4,3%	10%	KQ	06/10/25	6,6	8,5	14,5	1,2
VIB	Ngân hàng	0%	2.223	5,6	17.200	18.500	8%	0,0%	8%	KQ	23/05/25	8,0	6,6	11,3	1,3
PLX	Xăng dầu	6%	1.899	6,1	39.350	41.100	4%	3,0%	7%	MUA	13/10/25	20,4	17,1	21,6	1,9
VEA	Ô-tô	48%	1.687	0,4	33.400	30.800	-8%	14,4%	7%	PHTT	28/10/25	6,1	6,3	13,4	1,7
BSR	Lọc hóa dầu	47%	4.963	14,9	26.100	27.000	3%	2,7%	6%	PHTT	18/03/26	25,2	8,0	21,6	2,2
SCS	DV Hàng không	19%	195	0,3	54.000	51.200	-5%	10,2%	5%	PHTT	13/01/26	6,8	7,3	18,5	3,1
VRE	Bất động sản	37%	2.528	6,2	29.300	30.700	5%	0,0%	5%	KQ	30/03/26	10,3	12,2	20,1	1,4
PNJ	Bán lẻ	0%	1.450	5,6	111.900	113.500	1%	1,8%	3%	MUA	07/11/25	14,6	16,3	11,0	2,9
F88	Tài chính TT	42%	694	0,4	162.800	168.000	3%	0,0%	3%	KQ	21/01/26	24,9	18,1	#N/A	7,5
VTP	GTVT	44%	458	1,9	69.700	69.000	-1%	2,2%	1%	PHTT	06/09/24	24,4	20,5	13,4	6,8
DGW	Bán lẻ	25%	382	2,9	45.500	45.400	0%	1,1%	1%	PHTT	18/11/25	18,3	16,2	12,8	2,9
TPB	Ngân hàng	5%	1.712	5,9	16.250	15.800	-3%	0,0%	-3%	MUA	27/05/25	6,1	5,9	11,3	1,1
GVR	Công nghiệp	12%	4.960	4,3	32.650	30.500	-7%	1,2%	-5%	KQ	31/12/25	23,2	21,4	15,2	2,3
NKG	VLXD	45%	246	2,5	14.500	13.100	-10%	0,0%	-10%	PHTT	18/04/25	32,9	11,2	14,5	0,9
HSG	VLXD	45%	380	2,3	16.100	13.500	-16%	3,1%	-13%	PHTT	18/04/25	16,0	17,0	14,5	0,9
LPB	Ngân hàng	4%	5.338	3,3	47.050	39.300	-16%	2,1%	-14%	KKQ	18/11/25	12,4	13,0	11,3	2,8
OIL	Dầu khí	6%	585	1,9	15.000	12.700	-15%	0,7%	-15%	KQ	17/10/25	36,6	33,1	21,6	1,5
VHM	Bất động sản	42%	22.743	34,8	145.800	122.600	-16%	0,0%	-16%	KQ	30/03/26	14,3	13,8	20,1	2,5
STB	Ngân hàng	18%	4.847	20,7	67.700	55.400	-18%	0,0%	-18%	KQ	08/12/25	21,5	10,9	11,3	2,1
BVH	Bảo hiểm	22%	2.007	2,4	71.200	56.900	-20%	1,3%	-19%	KQ	26/05/25	17,8	16,9	17,1	2,2
VJC	Hàng không	24%	3.948	14,9	175.700	114.000	-35%	0,0%	-35%	KQ	15/03/24	49,0	19,7	18,5	4,2
VIC	Bất động sản	45%	56.686	37,4	193.700	101.600	-48%	0,0%	-48%	BÁN	30/03/26	127,5	131,6	20,1	10,1

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	137.782	2.650	18	14,9	11,8	10,0	15,0	1,8	23,0	18,1	14,5	2,0	2,8%
KHẢ QUAN	20	51.954	2.598	7	17,5	15,1	13,1	14,2	2,3	24,7	19,5	14,7	2,7	1,6%
PHÙ HỢP TT	10	22.082	2.208	0	19,5	17,3	12,3	19,4	2,7	30,4	19,3	13,7	3,2	4,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.338	5.338	0	15,2	12,4	13,0	10,4	2,8	15,2	12,4	13,0	2,8	2,1%
BÁN	1	56.686	56.686	1	121,1	127,5	131,6	66,9	10,1	121,1	127,5	131,6	10,1	0,0%
TỔNG CỘNG	84	273.841	3.260	26	19,3	15,9	13,5	16,4	2,4	25,4	19,8	15,9	2,5	2,7%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	89.335	7.445	11	11,8	10,2	8,5	12,4	1,7	11,3	10,4	8,4	1,7	1,0%
Bảo hiểm	2	2.096	1.048	1	23,4	17,3	15,7	14,3	2,0	17,7	14,1	11,5	1,5	2,2%
Chứng khoán	1	2.677	2.677	1	22,7	14,3	15,5	20,6	2,2	22,7	14,3	15,5	2,2	3,5%
Tài chính thay thế	1	694	694	0	51,0	24,9	18,1	25,7	7,5	51,0	24,9	18,1	7,5	0,0%
Tiêu dùng	13	29.301	2.254	4	18,8	16,4	15,3	19,6	3,7	24,6	16,7	14,7	3,6	4,8%
CNTT	1	4.858	4.858	1	17,6	14,8	13,2	23,0	3,5	17,6	14,8	13,2	3,5	3,1%
Bất động sản	9	85.991	9.555	2	55,0	34,8	35,6	23,1	4,2	38,4	34,2	43,7	2,3	0,2%
Vật liệu	4	9.418	2.354	1	18,1	14,6	10,5	18,3	1,6	15,6	18,4	11,9	1,8	3,9%
Điện & Nước	12	6.562	547	1	22,5	16,1	13,5	20,0	1,5	30,2	18,4	13,8	1,6	3,0%
Dầu khí	10	18.186	1.819	2	26,1	18,9	11,8	21,6	2,1	38,4	31,5	13,8	1,7	2,7%
Công nghiệp	5	1.325	265	0	8,9	8,0	7,5	12,2	1,3	14,9	14,8	8,4	1,3	3,7%
Khu công nghiệp	7	8.668	1.238	1	24,7	17,4	15,0	18,7	2,1	25,9	15,4	12,6	2,2	2,8%
GTVT & Logistics	7	14.731	2.104	1	14,6	16,6	13,2	18,0	3,3	19,9	19,6	13,5	5,1	2,9%
TỔNG CỘNG	84	273.841	3.260	26	19,3	15,9	13,5	16,4	2,4	25,4	19,8	15,9	2,5	2,7%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB				MUA	
BID				MUA	
CTG				MUA	
HDB				KQ	
LPB				BÁN	
MBB				MUA	
STB				MUA	
TCB				MUA	
TPB				MUA	
VCB				MUA	
VIB				KQ	
VPB				MUA	
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI				MUA	
BVH				KQ	
SSI				MUA	
F88				KQ	
Tiêu dùng					
CTR		14%		KQ	
DGW				PHTT	
FPT				MUA	
FRT				MUA	
MSN (2)				MUA	
MCH				PHTT	
MWG				MUA	
PNJ				MUA	
QNS				KQ	
SAB		5%		MUA	
TLG		20%		MUA	
VEA		-3%		PHTT	
VHC		30%		MUA	
VNM				MUA	
GTVT & Logistics					
ACV		4%		PHTT	
AST		6%		MUA	
GMD (2)		31%		MUA	
HVN		19%		PHTT	

SCS		-6%	PHTT	
VJC		N.A	KQ	
VTP		19%	PHTT	
Bất động sản				
DXG		-4%	MUA	
DXS		7%	MUA	
HDC		-51%	KQ	
NVL		-79%	MUA	
KDH		59%	MUA	
NLG		-20%	MUA	
VHM		3%	KQ	
VIC		-3%	BÁN	
VRE		-15%	KQ	
Khu công nghiệp				
GVR		9%	KQ	
IDC		4%	MUA	
KBC		39%	MUA	
PHR		103%	MUA	
SIP		4%	MUA	
SZC		11%	KQ	
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)		26%	MUA	
BMP		15%	MUA	
DGC		23%	MUA	
DHC		3%	MUA	
HPG		41%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		202%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)		9%	MUA	
GEX			MUA	
HDG			KQ	
NT2	395%	-16%	MUA	LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1		12%	MUA	
POW		-1%	MUA	
PPC		99%	KQ	
QTP		-35%	MUA	
REE		17%	MUA	

TDM (2)	-61%	8%	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận
TV2		186%	MUA	
DPG		65%	MUA	
VGC			MUA	
Dầu khí				
BSR		215%	PHTT	
DCM (2)		55%	MUA	
DPM		70%	PHTT	
GAS			MUA	
OIL (2)			KQ	
PLX (2)			MUA	
PLC			MUA	
PVD (2)		55%	MUA	
PVS (2)		10%	MUA	
PVT (2)		49%	MUA	

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.833,5	-3,6
VN 30	2.007,1	-2,0
VN Mid	2.228,9	-18,7
VNSmall	1.412,2	-7,0

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	253,3	-4,1
HNX30	535,3	-9,3
VNX Allshare	2.994,1	-4,1

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	129,2	-0,3

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3.113,6	12,3%
Khối ngoại mua	3.022,9	12,0%
Khối ngoại bán	3.407,2	13,5%
Tổng giao dịch	25.263,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	33,5	2,7%
Khối ngoại mua	25,0	2,0%
Khối ngoại bán	71,9	5,8%
Tổng giao dịch	1.245,3	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	339,7	41,3%
Khối ngoại mua	23,1	2,8%
Khối ngoại bán	19,5	2,4%
Tổng giao dịch	821,7	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VVS	9.300	7,0%
PVP	1.050	6,7%
STB	3.500	5,5%
NCT	3.800	4,2%
TCI	350	3,4%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
AAV	500	5,9%
DP3	2.100	3,8%
HVT	500	1,8%
TIG	100	1,5%
PCH	200	1,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DHB	1.885	14,7%
TID	2.600	14,6%
F88	11.743	7,6%
MVC	732	5,2%
SCL	535	2,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VGC	-1.950	-4,2%
CDC	-700	-3,7%
BCM	-1.700	-3,0%
DXS	-210	-2,9%
PNJ	-3.100	-2,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSF	-4.100	-4,3%
IDC	-2.000	-4,1%
SHS	-700	-3,9%
TNG	-800	-3,5%
IDJ	-100	-2,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TIN	-11.110	-6,4%
TV1	-1.317	-4,2%
VIW	-1.253	-4,0%
ILS	-680	-3,6%
MSR	-1.494	-3,2%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
HPG	2.907
VIC	1.163
STB	967
HCM	905
VHM	904

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	382
CEO	155
IDC	133
PVS	126
MBS	65

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
TID	225
MSR	134
HTM	59
OIL	50
VGI	48

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TCI	3.076.010	177.813
VNE	985.006	207.016
PVP	1.527.462	350.477
VPI	8.218.720	2.240.635
HHP	3.540.367	969.808
GSP	294.083	81.595
FUEVFNVD	7.828.911	2.368.136
TNT	838.036	273.744
HTN	538.540	191.047
HPG	100.140.634	36.082.396

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
NRC	2.510.469	1.128.826
MBG	333.042	152.258
AAV	2.162.427	993.826
AMV	855.254	397.185
CTP	364.618	181.640
VC9	134.748	72.072
VGS	708.890	423.398
NAG	156.501	94.476
EVS	204.914	125.603
ITQ	94.234	66.357

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VTD	1.509.520	124.962
F88	202.826	75.011
SCL	156.461	74.293
DHB	142.911	68.581
ABW	223.523	107.664
DSH	693.490	350.102
BIG	694.320	370.706
QNS	157.212	87.264
MVC	111.400	63.013
SGP	114.471	65.722

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.777,3		14,1	2,2	14,6
TCX	4.476,2	90,1	19,1	2,6	14,4
VCK	3.143,4	95,6	19,0	2,8	19,1
SSI	2.676,8	67,8	14,5	2,2	0,0
VPX	2.004,1	95,0	12,4	1,5	14,0
VIX	1.586,3	91,8	5,3	1,9	25,6

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	635,4		13,0	1,7	0,0
BVH	2.006,8	21,7	18,6	2,2	0,0
PVI	684,8	43,3	16,4	2,2	0,0
BIC	185,7	7,9	9,0	1,5	0,0
VNR	157,7	22,7	9,5	1,0	0,0
MIG	142,1	83,9	11,5	1,4	0,0

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.859,6		20,0	3,8	0,0
ACV	6.154,7	47,0	15,0	2,3	0,0
GEE	2.612,6	49,1	21,1	8,6	0,0
MVN	2.463,5	0,0	33,3	4,6	0,0
VEA	1.686,3	47,6	6,2	1,7	0,0
GEX	1.380,8	42,7	24,6	2,1	0,0

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.951,9		18,9	4,6	0,0
MCH	6.885,9	84,5	25,4	10,0	0,0
VNM	4.888,2	51,1	13,7	4,2	0,0
MSN	4.337,1	75,6	29,2	3,2	0,0
SAB	2.198,7	41,5	13,1	2,7	0,0
PNJ	1.449,5	0,1	13,4	2,9	0,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.775,8		21,4	1,6	0,0
BSR	4.962,2	47,4	25,1	2,2	0,0
PLX	1.898,4	5,6	18,7	1,9	0,0
PVS	747,6	33,0	10,7	1,3	0,0
PVD	686,0	37,8	17,4	1,1	0,0
OIL	585,0	6,3	35,4	1,5	0,0

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.359,1		14,8	2,2	0,0
GAS	7.210,4	46,8	16,6	2,9	0,0
POW	1.525,9	47,1	15,4	1,2	0,0
REE	1.332,7	0,0	13,9	1,7	0,0
PGV	1.004,6	50,0	7,1	1,5	0,0
DNH	721,7	0,0	20,8	3,7	0,0

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	17.447,1		35,6	4,3	0,0
VIC	56.675,3	44,6	132,0	10,1	0,0
VHM	22.738,4	42,0	14,3	2,5	0,0
KSF	3.109,0	50,0	5,1	4,8	0,0
VRE	2.528,0	37,1	10,3	1,4	0,0
BCM	2.185,0	33,0	16,4	2,5	0,0

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.490,2		9,8	1,6	3,3
VCB	18.908,7	9,8	14,2	2,2	0,0
BID	11.167,4	13,4	9,5	1,8	0,0
CTG	10.277,5	4,7	7,8	1,5	0,0
TCB	8.798,3	0,0	9,1	1,4	0,0
VPB	8.299,3	5,3	8,3	1,3	16,4

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.610,6		48,3	6,0	0,0
VPL	5.699,2	47,3	136,1	4,1	0,0
MWG	4.772,6	0,2	17,9	3,9	0,0
VJC	3.946,8	23,6	47,1	4,2	0,0
HVN	2.658,2	21,7	7,7	11,8	0,0
FRT	976,4	16,7	32,4	6,2	0,0

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.951,9		18,9	4,6	0,0
HPG	6.885,9	26,4	25,4	10,0	0,0
GVR	4.888,2	12,3	13,7	4,2	0,0
MSR	4.337,1	99,9	29,2	3,2	0,0
KSV	2.198,7	0,0	13,1	2,7	0,0
DCM	1.449,5	39,7	13,4	2,9	0,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.775,8		21,4	1,6	0,0
DHG	4.962,2	46,0	25,1	2,2	0,0
IMP	1.898,4	27,1	18,7	1,9	0,0
DHT	747,6	9,2	10,7	1,3	0,0
DVN	686,0	0,0	17,4	1,1	0,0
DBD	585,0	84,6	35,4	1,5	0,0

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.359,1		14,8	2,2	0,0
FPT	7.210,4	17,1	16,6	2,9	0,0
CMG	1.525,9	12,6	15,4	1,2	0,0
SAM	1.332,7	48,5	13,9	1,7	0,0
SGT	1.004,6	-5,5	7,1	1,5	0,0
ELC	721,7	46,8	20,8	3,7	0,0

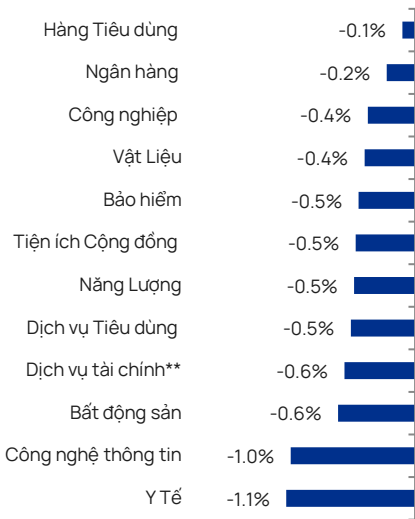
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

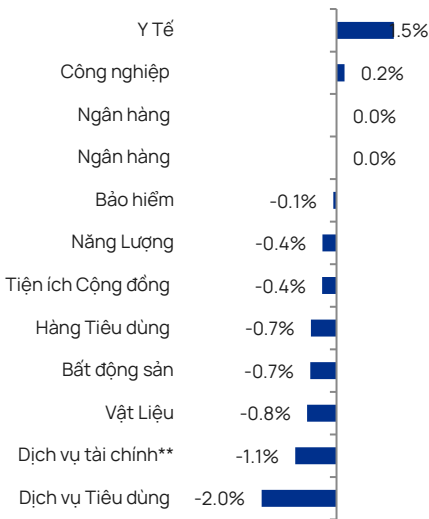
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



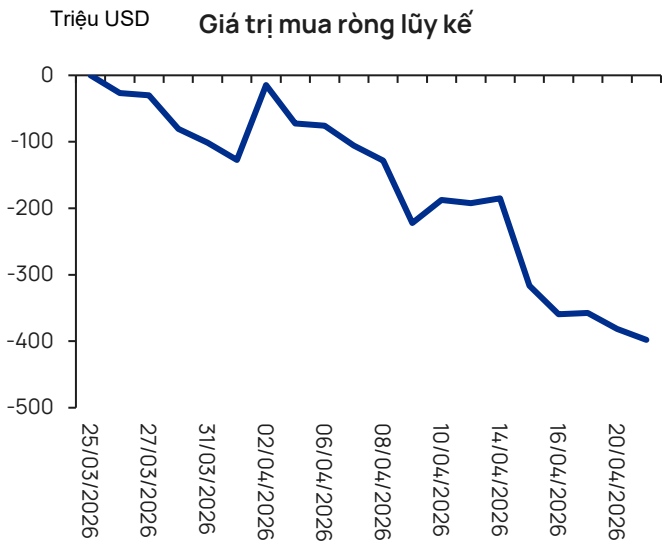
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



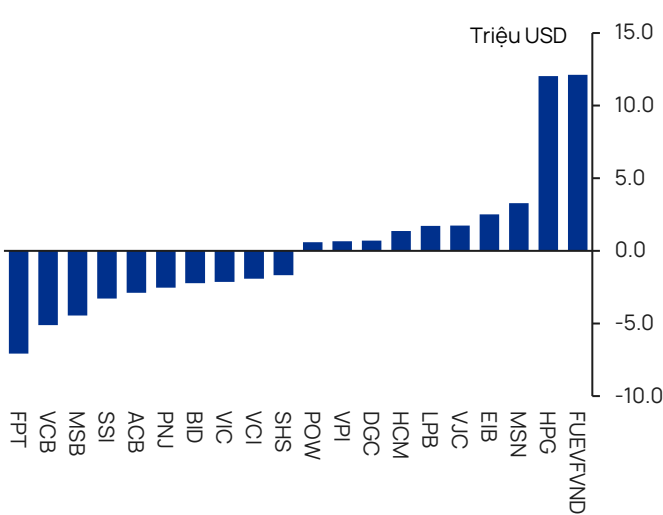
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

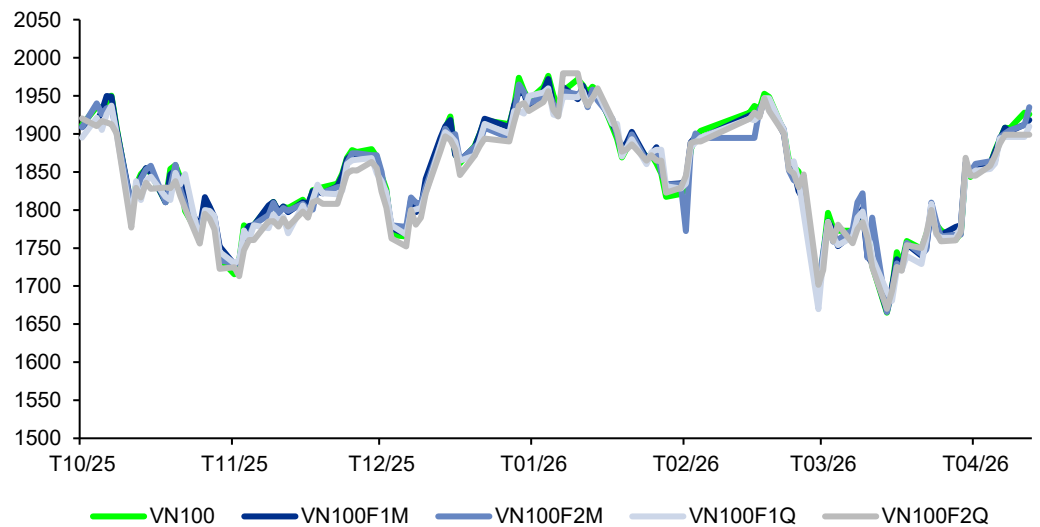
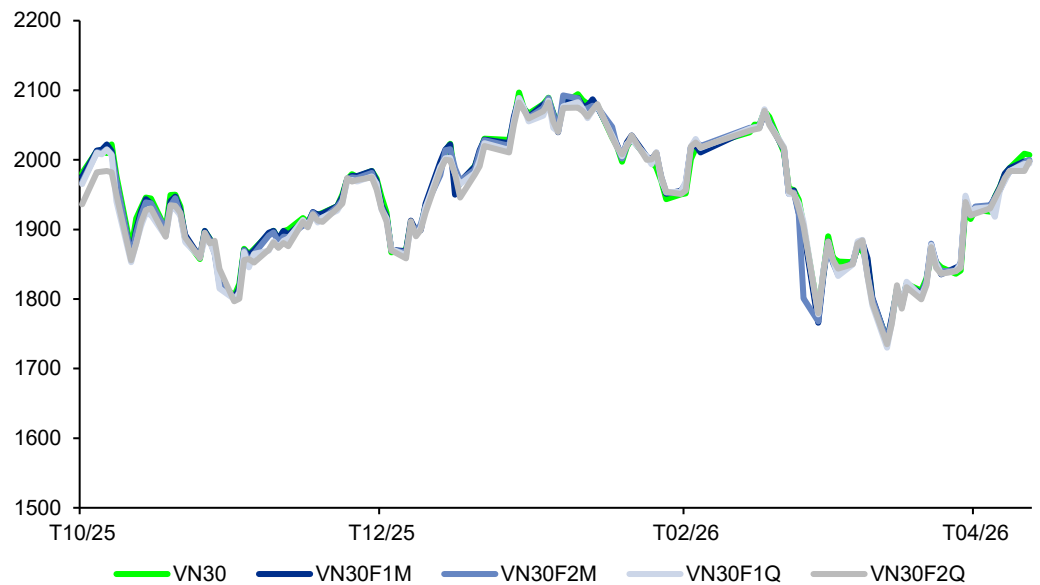


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.998,0	0,1	0,0%	-9,1
VN30F2M	2.000,0	3,9	0,2%	-7,1
VN30F1Q	1.994,5	0,2	0,0%	-12,6
VN30F2Q	1.997,9	14,0	0,7%	-9,2
VN100F1M	1.918,1	5,7	0,3%	-7,7
VN100F2M	1.935,0	23,5	1,2%	9,2
VN100F1Q	1.910,0	14,0	0,7%	-15,8
VN100F2Q	1.898,9	0,0	0,0%	-26,9

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	34.769	3,7%	209,59	3,9%
VN30F2M	1.392	3,2%	0,34	-24,8%
VN30F1Q	318	-3,6%	0,05	-24,2%
VN30F2Q	23	187,5%	0,01	0,0%
VN100F1M	19	-13,6%	0,04	54,2%
VN100F2M	15	-25,0%	0,01	0,0%
VN100F1Q	10	-37,5%	0,00	0,0%
VN100F2Q		0,0%	0,00	0,0%

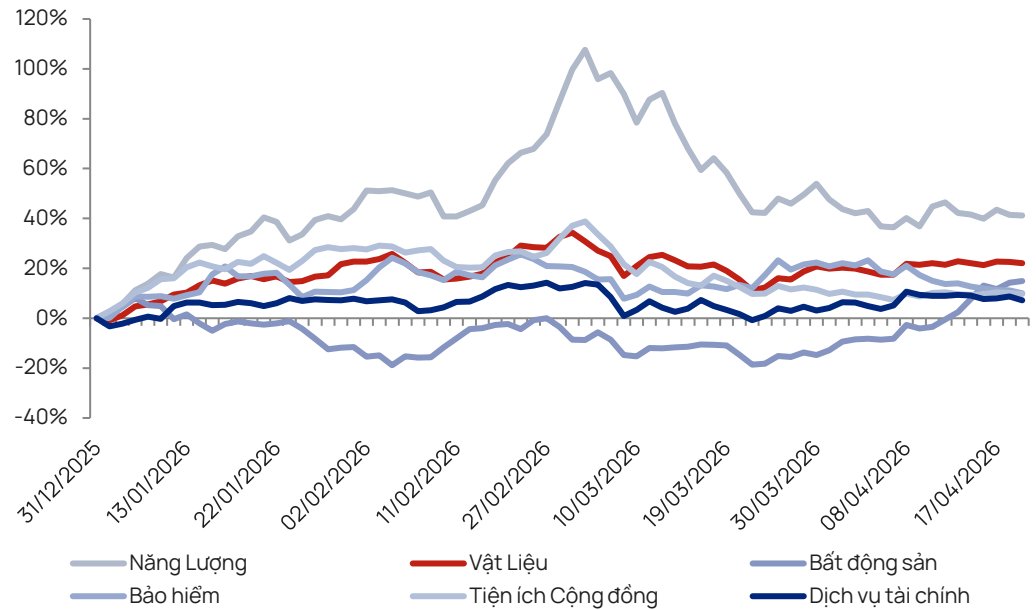


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

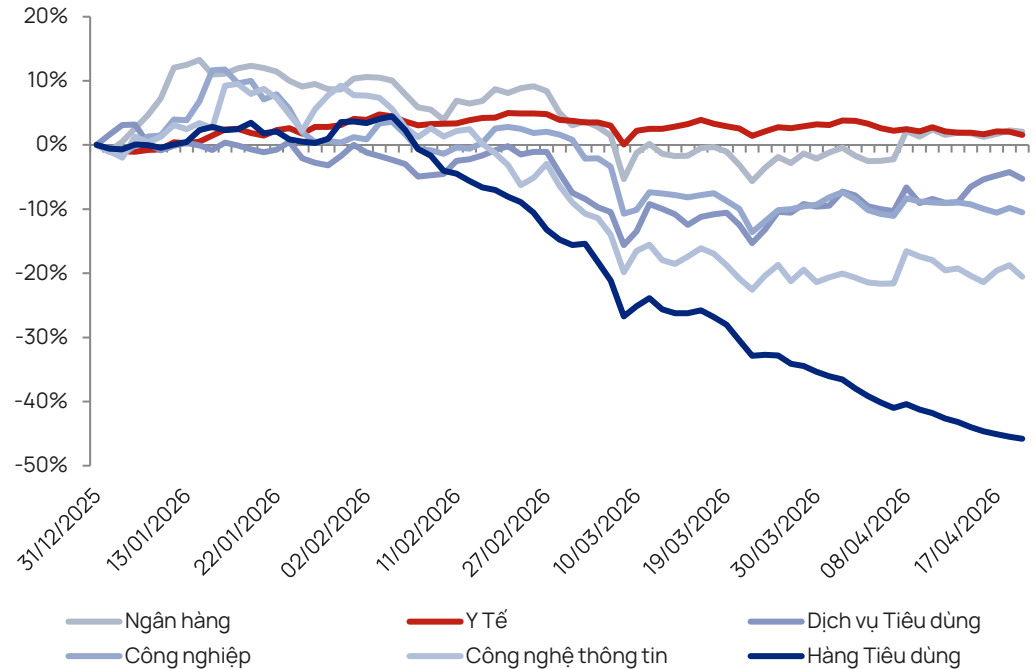
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



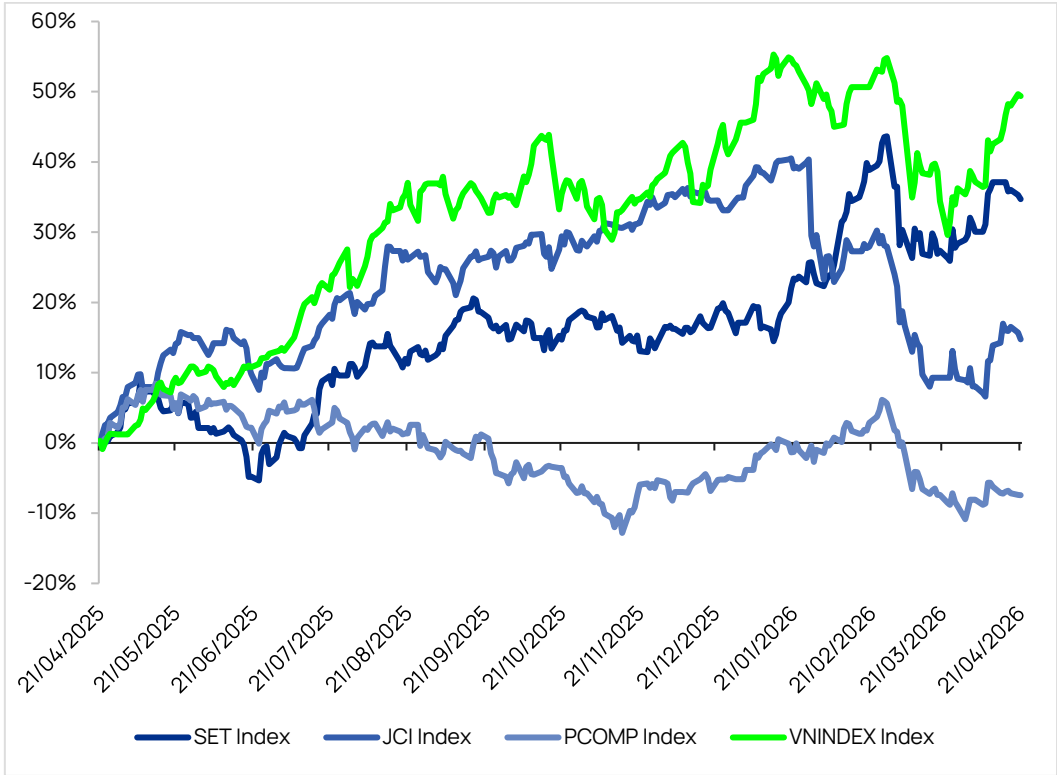
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



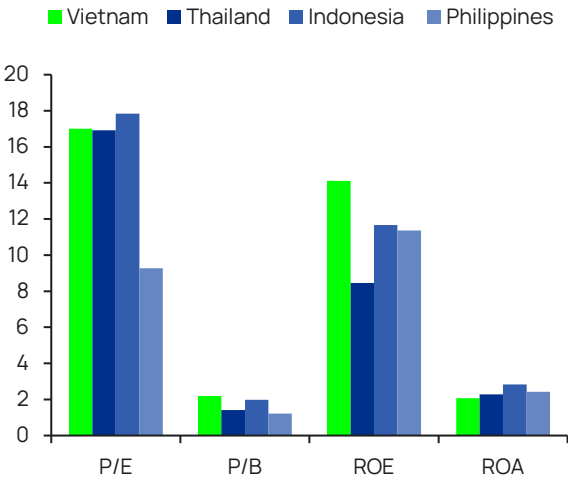
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,9	17,8	9,3	17,0
P/B	1,4	2,0	1,2	2,2
ROE (%)	8,5	11,7	11,4	14,1
ROA (%)	2,3	2,8	2,4	2,1
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	586,8	789,8	146,3	324,3
GTGD trung bình, tr USD	1.371,8	1.120,5	82,6	1.028,0
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	711,9	-2.335,4	-14,6	-1.405,8
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(284,7)	(157,4)	(80,8)	(196,6)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,64%	6,32%	6,21%	4,06%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.